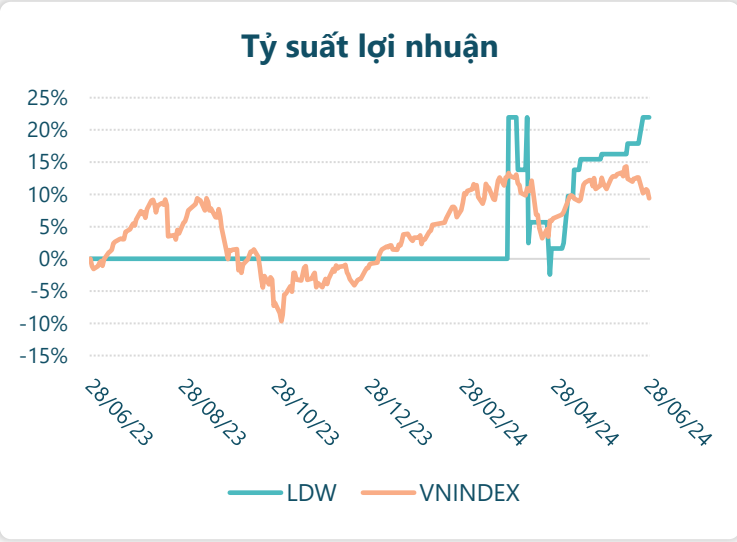


Ngày	15,000 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	8.3%	3.2%	25.9%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,625 - 14,531
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,182
Số lượng CPLH (CP)	78,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	65
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.11
EPS	1,132
P/E	13.3



Doanh thu thuần
Q2/24

81.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.40 | -1.7%

YoY: ▲ 5.10 | 6.7%

Nợ/VCSH
Q2/24

31.3%

YoY: +/-▲ 5.8%

LN gộp
Q2/24

23.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.50 | -9.3%

YoY: ▲ 4.40 | 22.8%

ROE (TTM)
Q2/24

9.9%

YoY: +/-▲ 0.5%

LN trước thuế
Q2/24

27.6

tỷ VNĐ

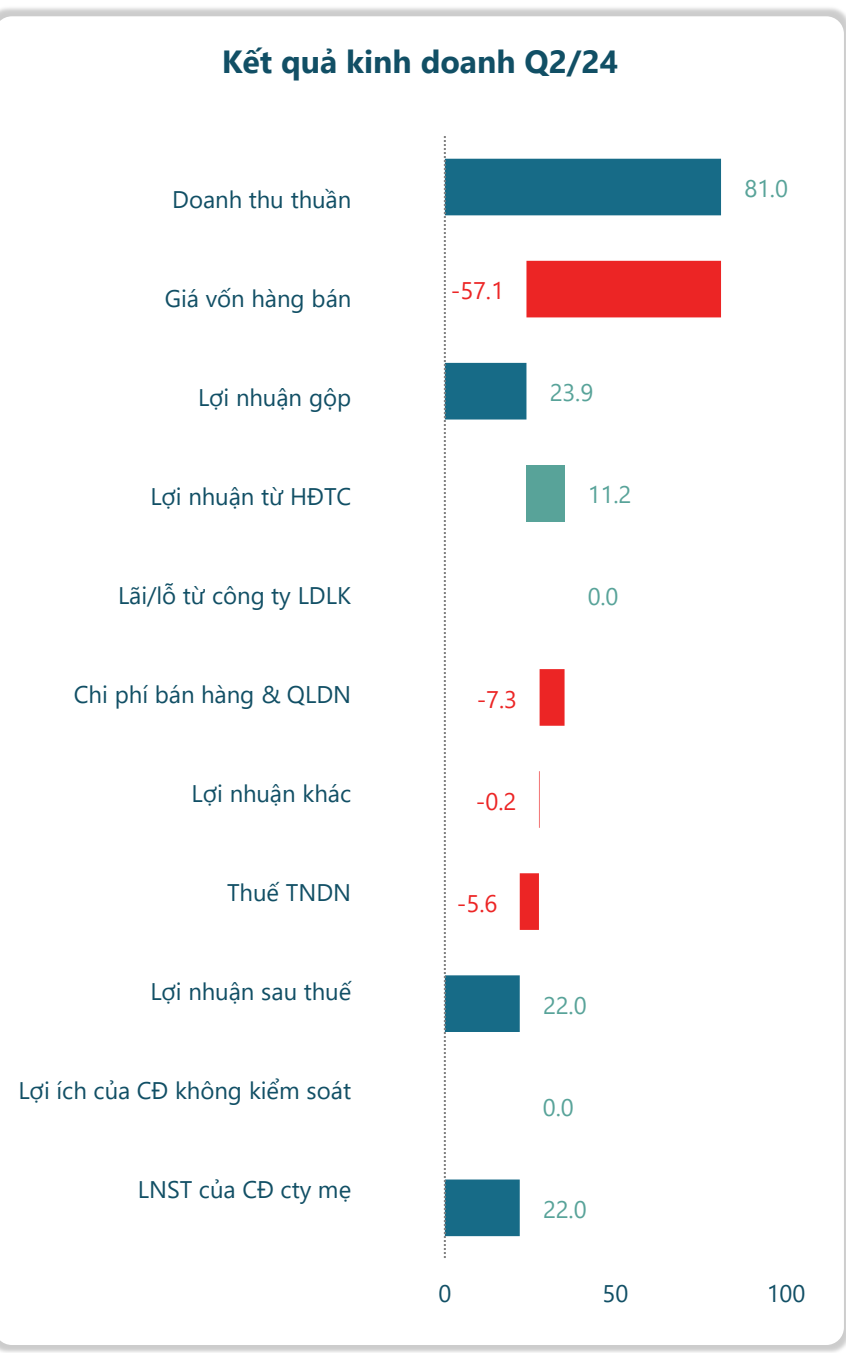
QoQ: ▼5.20 | -16.0%

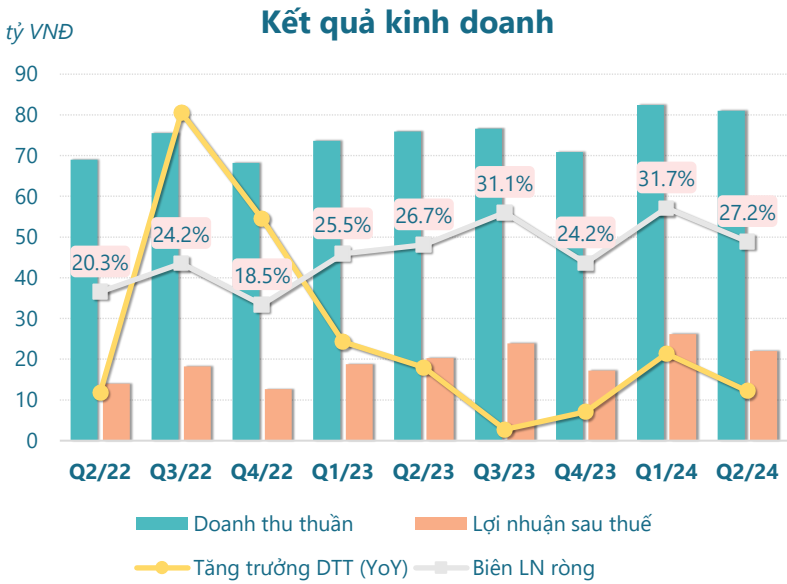
YoY: ▲ 2.70 | 10.7%

ROA (TTM)
Q2/24

7.5%

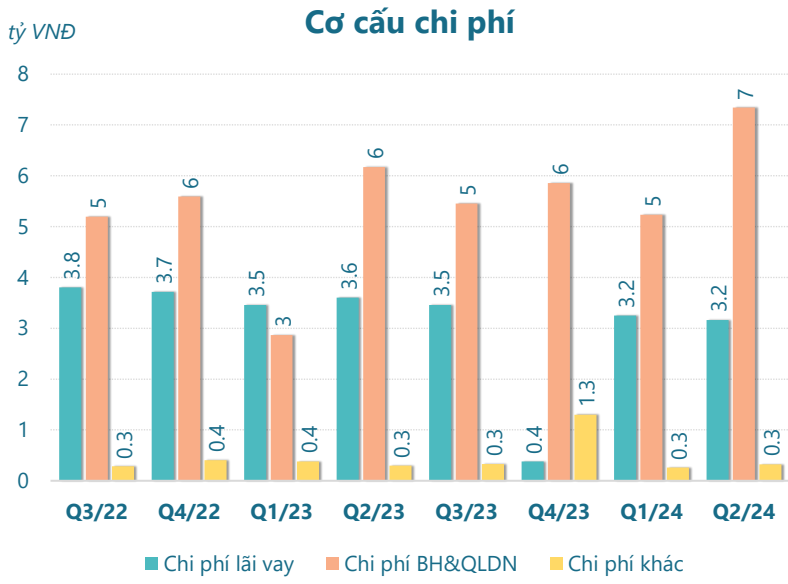
YoY: +/-▲ 0.2%





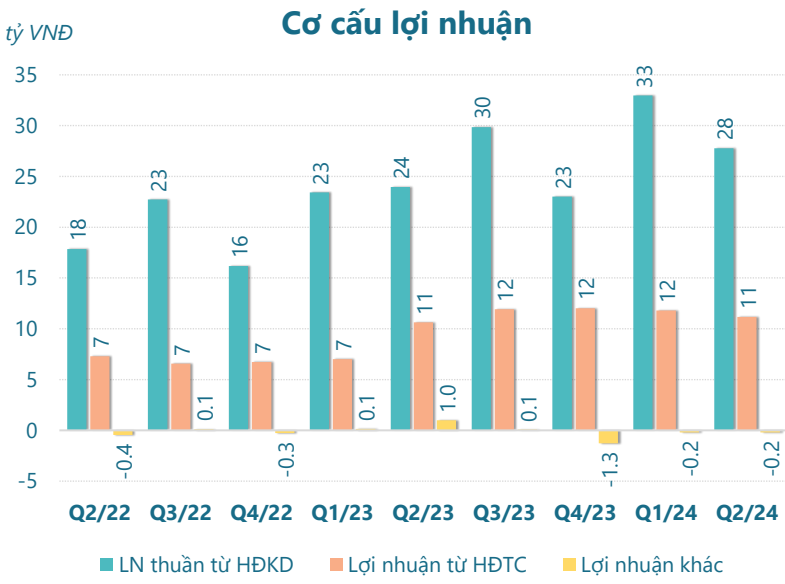
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 27.78 tỷ đồng**, giảm đi 15.8% so với kỳ trước và cao hơn 16.0% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 11.18 tỷ đồng**, giảm đi 5.33% so với kỳ trước và cao hơn 5.27% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.22 tỷ đồng** giảm đi 0.01 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 122% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **LDW** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **81.01 tỷ đồng** tăng thêm **6.75%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 22.00 tỷ đồng**, **tăng trưởng 8.53%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **163.0 tỷ đồng** cao hơn 8.67% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 48.00 tỷ đồng** cao hơn 23.1% so với cùng kỳ năm trước.



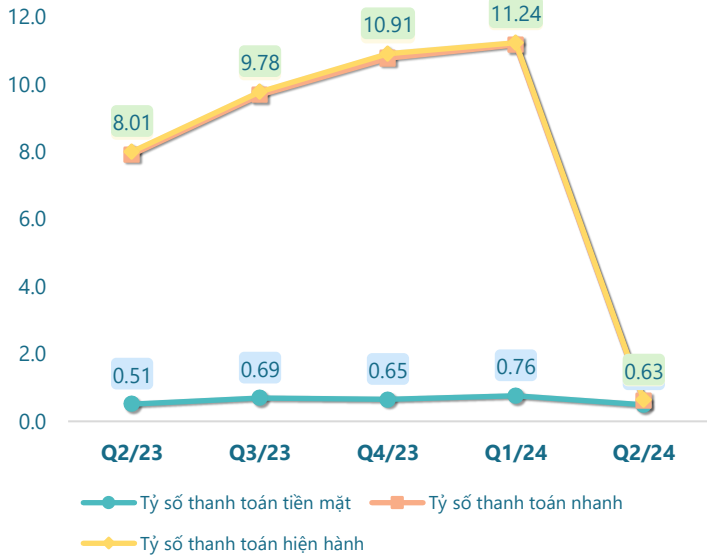
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **3.16 tỷ đồng** giảm đi 2.77% so với kỳ trước và thấp hơn 12.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **7.34 tỷ đồng** tăng thêm 40.1% so với kỳ trước và cao hơn 19.0% so với cùng kỳ năm trước.

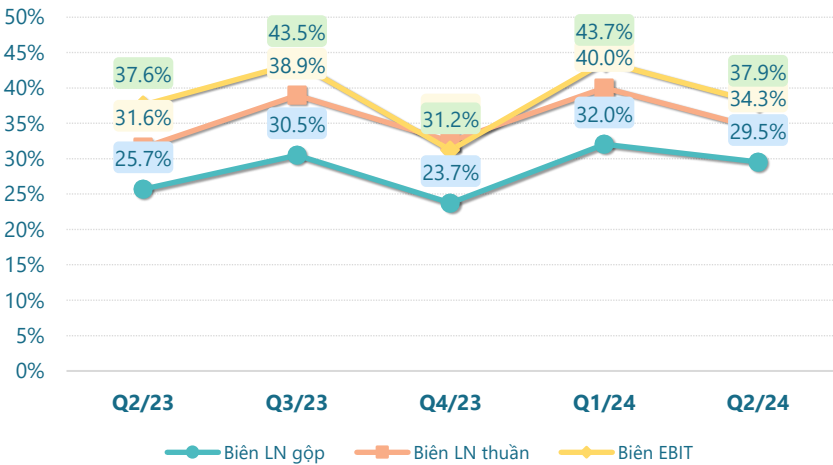
Chi phí khác bằng **0.33 tỷ đồng** tăng thêm 26.9% so với kỳ trước và cao hơn 10.0% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	81.0	82.4	-1.7%	75.9	6.7%	163	150	9.3%
Giá vốn hàng bán	57.1	56.0	1.9%	56.4	1.2%	113	111	2.1%
Lợi nhuận gộp	23.9	26.4	-9.3%	19.5	22.8%	50.3	38.8	29.8%
Doanh thu HĐTC	14.3	15.1	-5.0%	14.2	1.0%	29.4	24.7	19.1%
Chi phí TC	3.16	3.25	-2.7%	3.60	-12.1%	6.41	7.06	-9.2%
Chi phí lãi vay	3.16	3.25	-2.7%	3.60	-12.1%	6.41	7.06	-9.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.94	1.04	-9.5%	1.53	-38.5%	1.98	2.32	-14.5%
Chi phí QLDN	6.40	4.19	52.7%	4.64	37.9%	10.6	6.72	57.7%
LN thuần từ HĐKD	27.8	33.0	-15.8%	24.0	15.7%	60.8	47.4	28.2%
Lợi nhuận khác	-0.22	-0.21	-3.1%	0.98	-122%	-0.43	1.12	-138%
LN trước thuế	27.6	32.8	-16.0%	24.9	10.7%	60.3	48.5	24.4%
Lợi nhuận sau thuế	22.0	26.2	-16.0%	20.3	8.4%	48.2	39.0	23.4%
LNST của CĐ cty mẹ	22.0	26.2	-16.0%	20.3	8.4%	48.2	39.0	23.4%

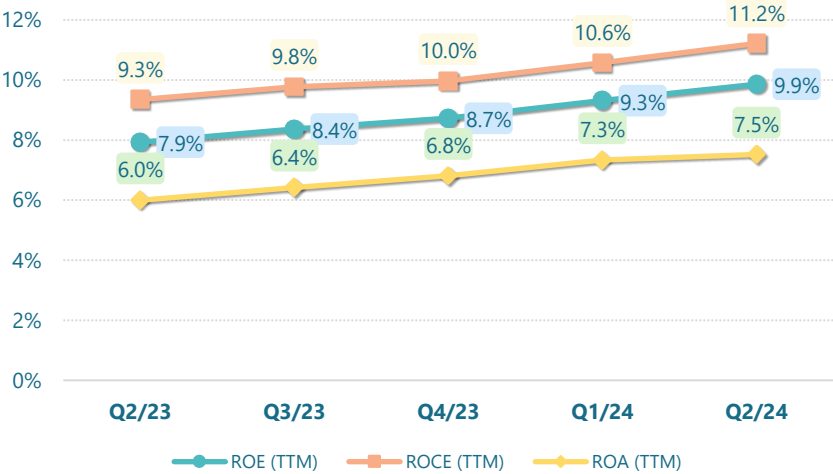
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

